

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 604/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 12/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 31/8/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1855	Nguyễn Thị Lan Anh	20/07/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,0	DBG011533	CNTT/22/1917	Đạt	
2	CNTT1856	Nguyễn Việt Anh	31/10/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG011534	CNTT/22/1918	Đạt	
3	CNTT1857	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/05/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG011535	CNTT/22/1919	Đạt	
4	CNTT1858	Nguyễn Văn Biên	19/10/2004	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG011536	CNTT/22/1920	Đạt	
5	CNTT1860	Nguyễn Hữu Dũng	13/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG011537	CNTT/22/1921	Đạt	
6	CNTT1861	Phạm Trọng Dương	12/07/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	DBG011538	CNTT/22/1922	Đạt	
7	CNTT1862	Lê Huy Đạt	18/02/2005	Thanh Hóa	Nam	6,2	6,5	DBG011539	CNTT/22/1923	Đạt	
8	CNTT1863	Nguyễn Vũ Được	29/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG011540	CNTT/22/1924	Đạt	
9	CNTT1864	Nguyễn Thị Hà	19/06/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,0	5,0	DBG011541	CNTT/22/1925	Đạt	
10	CNTT1865	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	04/01/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,5	5,5	DBG011542	CNTT/22/1926	Đạt	
11	CNTT1866	Đinh Văn Hào	11/10/2003	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,0	DBG011543	CNTT/22/1927	Đạt	
12	CNTT1867	Trịnh Quang Hậu	02/02/2005	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	DBG011544	CNTT/22/1928	Đạt	
13	CNTT1868	Lê Quý Hiệp	24/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG011545	CNTT/22/1929	Đạt	
14	CNTT1869	Lê Trung Hiếu	08/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	5,5	DBG011546	CNTT/22/1930	Đạt	
15	CNTT1870	Bùi Thế Hoàn	17/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG011547	CNTT/22/1931	Đạt	
16	CNTT1871	Đỗ Văn Hoàng	03/01/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG011548	CNTT/22/1932	Đạt	
17	CNTT1872	Nguyễn Quang Hùng	18/04/2005	Bắc Ninh	Nam	7,2	5,5	DBG011549	CNTT/22/1933	Đạt	
18	CNTT1873	Nguyễn Minh Huệ	11/03/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG011550	CNTT/22/1934	Đạt	
19	CNTT1874	Nguyễn Quý Khôi	01/06/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	6,5	DBG011551	CNTT/22/1935	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT1875	Nguyễn Hồng	Liên	21/01/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,0	DBG011552	CNTT/22/1936	Đạt	
21	CNTT1876	Nguyễn Anh	Linh	31/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG011553	CNTT/22/1937	Đạt	
22	CNTT1877	Nguyễn Hữu	Long	08/12/2004	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,5	DBG011554	CNTT/22/1938	Đạt	
23	CNTT1878	Nguyễn Thị	Mai	10/06/2005	Hải Dương	Nữ	8,0	5,5	DBG011555	CNTT/22/1939	Đạt	
24	CNTT1879	Nguyễn Đức	Mạnh	24/05/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG011556	CNTT/22/1940	Đạt	
25	CNTT1880	Nguyễn Thị	Ngọc	10/11/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,0	DBG011557	CNTT/22/1941	Đạt	
26	CNTT1881	Nguyễn Anh	Quân	04/02/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG011558	CNTT/22/1942	Đạt	
27	CNTT1882	Nguyễn Văn	Quyết	19/11/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG011559	CNTT/22/1943	Đạt	
28	CNTT1883	Nguyễn Thanh	Sang	30/12/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,5	DBG011560	CNTT/22/1944	Đạt	
29	CNTT1884	Vũ Ngọc	Sơn	25/07/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG011561	CNTT/22/1945	Đạt	
30	CNTT1885	Hoàng Văn	Thái	26/10/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG011562	CNTT/22/1946	Đạt	
31	CNTT1886	Nguyễn Văn	Thịnh	12/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,5	DBG011563	CNTT/22/1947	Đạt	
32	CNTT1887	Nguyễn Văn	Thư	16/03/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,5	DBG011564	CNTT/22/1948	Đạt	
33	CNTT1888	Nguyễn Văn	Thư	23/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG011565	CNTT/22/1949	Đạt	
34	CNTT1889	Nguyễn Văn	Thức	04/05/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	5,0	DBG011566	CNTT/22/1950	Đạt	
35	CNTT1890	Nguyễn Văn	Tiến	18/07/2004	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,5	DBG011567	CNTT/22/1951	Đạt	
36	CNTT1891	Nguyễn Thị	Trang	15/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	6,7	5,5	DBG011568	CNTT/22/1952	Đạt	
37	CNTT1892	Nguyễn Thùy	Trang	4/11/2005	Thái Bình	Nữ	8,5	5,0	DBG011569	CNTT/22/1953	Đạt	
38	CNTT1893	Ngô Minh	Trung	08/02/2005	Đồng Nai	Nam	6,0	5,5	DBG011570	CNTT/22/1954	Đạt	
39	CNTT1894	Nguyễn Văn	Trường	29/05/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,0	DBG011571	CNTT/22/1955	Đạt	
40	CNTT1895	Nguyễn Văn	Tú	23/08/2005	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG011572	CNTT/22/1956	Đạt	
41	CNTT1896	Dương Quang	Tùng	31/12/2005	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG011573	CNTT/22/1957	Đạt	
42	CNTT1898	Nguyễn Văn	Tùng	26/08/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	5,0	DBG011574	CNTT/22/1958	Đạt	
43	CNTT1899	Nguyễn Văn	Tuyên	03/01/2005	Bắc Ninh	Nam	6,0	6,0	DBG011575	CNTT/22/1959	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT1900	Đào Thanh Vương	11/05/2005	Bắc Ninh	Nam	6,5	5,5	DBG011576	CNTT/22/1960	Đạt	
45	CNTT1901	Phạm Thị Như Ý	30/06/2005	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG011577	CNTT/22/1961	Đạt	
46	CNTT1902	Nguyễn Công Anh	12/03/1994	Bắc Ninh	Nam	8,2	8,5	DBG011578	CNTT/22/1962	Đạt	
47	CNTT1903	Nguyễn Sỹ Anh	23/12/1992	Bắc Ninh	Nam	8,0	7,5	DBG011579	CNTT/22/1963	Đạt	
48	CNTT1904	Nguyễn Văn Bảo	30/08/2000	Bắc Ninh	Nam	7,7	8,0	DBG011580	CNTT/22/1964	Đạt	
49	CNTT1905	Ngô Duy Cộn	25/08/1991	Bắc Giang	Nam	8,2	7,5	DBG011581	CNTT/22/1965	Đạt	
50	CNTT1906	Nguyễn Việt Cường	20/07/1981	Bắc Giang	Nam	8,5	9,0	DBG011582	CNTT/22/1966	Đạt	
51	CNTT1907	Nguyễn Văn Đại	17/09/2002	Bắc Ninh	Nam	8,0	8,5	DBG011583	CNTT/22/1967	Đạt	
52	CNTT1908	Nguyễn Phúc Đạo	28/08/2002	Bắc Ninh	Nam	7,7	7,0	DBG011584	CNTT/22/1968	Đạt	
53	CNTT1909	Trần Xuân Đương	28/11/1998	Bắc Ninh	Nam	7,7	7,5	DBG011585	CNTT/22/1969	Đạt	
54	CNTT1910	Nguyễn Thị Hương Giang	14/12/1983	Bắc Giang	Nữ	8,5	8,0	DBG011586	CNTT/22/1970	Đạt	
55	CNTT1911	Trần Thanh Giàu	26/07/1998	Bến Tre	Nam	8,2	7,5	DBG011587	CNTT/22/1971	Đạt	
56	CNTT1912	Nguyễn Minh Hiền	09/05/2003	Bắc Ninh	Nam	7,5	8,0	DBG011588	CNTT/22/1972	Đạt	
57	CNTT1913	Chu Thị Hòa	09/10/1992	Lạng Sơn	Nữ	8,0	7,5	DBG011589	CNTT/22/1973	Đạt	
58	CNTT1914	Phan Mạnh Hoàng	13/08/1995	Bắc Ninh	Nam	8,0	7,5	DBG011590	CNTT/22/1974	Đạt	
59	CNTT1916	Nguyễn Sỹ Hưng	20/12/1998	Bắc Ninh	Nam	7,7	7,0	DBG011591	CNTT/22/1975	Đạt	
60	CNTT1918	Nguyễn Doãn Khuê	29/12/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	8,0	DBG011592	CNTT/22/1976	Đạt	
61	CNTT1919	Nguyễn Hồng Kỳ	17/06/2003	Bắc Ninh	Nam	8,0	8,0	DBG011593	CNTT/22/1977	Đạt	
62	CNTT1920	Nguyễn Huy Kỳ	28/11/1991	Bắc Ninh	Nam	8,2	7,0	DBG011594	CNTT/22/1978	Đạt	
63	CNTT1921	Tăng Thị Mai Linh	19/08/1989	Bắc Giang	Nữ	8,5	9,0	DBG011595	CNTT/22/1979	Đạt	
64	CNTT1922	Giáp Ngọc Long	11/06/1998	Bắc Giang	Nam	8,2	8,5	DBG011596	CNTT/22/1980	Đạt	
65	CNTT1924	Cao Thị Mai	10/11/1988	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG011597	CNTT/22/1981	Đạt	
66	CNTT1925	Thân Thị Mùi	14/12/1991	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	DBG011598	CNTT/22/1982	Đạt	
67	CNTT1926	Ngô Trọng Nghĩa	09/06/2003	Bắc Ninh	Nam	7,5	7,5	DBG011599	CNTT/22/1983	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT1927	Phạm Thị Thanh Ngọc	25/07/1993	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG011600	CNTT/22/1984	Đạt	
69	CNTT1928	Nguyễn Công Phúc	18/08/1999	Bắc Ninh	Nam	7,7	7,0	DBG011601	CNTT/22/1985	Đạt	
70	CNTT1929	Dương Thanh Phương	16/07/1971	Bắc Giang	Nam	8,2	9,0	DBG011602	CNTT/22/1986	Đạt	
71	CNTT1931	Nguyễn Trọng Quang	01/06/1982	Bắc Giang	Nam	8,0	7,5	DBG011603	CNTT/22/1987	Đạt	
72	CNTT1932	Tạ Xuân Quý	19/05/1999	Bắc Giang	Nam	8,2	7,0	DBG011604	CNTT/22/1988	Đạt	
73	CNTT1933	Thân Ngọc Quyết	20/09/1975	Bắc Giang	Nam	8,0	7,5	DBG011605	CNTT/22/1989	Đạt	
74	CNTT1934	Lại Thị Soạn	09/10/1985	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG011606	CNTT/22/1990	Đạt	
75	CNTT1935	Mẫn Thị Thanh	24/02/1987	Bắc Giang	Nữ	8,2	9,0	DBG011607	CNTT/22/1991	Đạt	
76	CNTT1936	Nguyễn Tiến Thành	15/01/1981	Bắc Giang	Nam	8,5	7,5	DBG011608	CNTT/22/1992	Đạt	
77	CNTT1937	Nguyễn Thị Thắng	25/11/1995	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG011609	CNTT/22/1993	Đạt	
78	CNTT1938	Thân Văn Thuận	13/09/1973	Bắc Giang	Nam	8,5	9,0	DBG011610	CNTT/22/1994	Đạt	
79	CNTT1939	Nguyễn Văn Thuận	10/04/2001	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	DBG011611	CNTT/22/1995	Đạt	
80	CNTT1940	Nguyễn Minh Tiến	05/12/1983	Bắc Giang	Nam	8,5	7,5	DBG011612	CNTT/22/1996	Đạt	
81	CNTT1941	Đỗ Hữu Trung	18/09/1995	Bắc Ninh	Nam	8,2	7,5	DBG011613	CNTT/22/1997	Đạt	
82	CNTT1942	Phạm Công Trung	12/09/1993	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	DBG011614	CNTT/22/1998	Đạt	
83	CNTT1943	Nguyễn Thị Tú	23/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,5	8,0	DBG011615	CNTT/22/1999	Đạt	
84	CNTT1944	Đoàn Văn Tuấn	20/07/1967	Bắc Giang	Nam	8,0	9,0	DBG011616	CNTT/22/2000	Đạt	
85	CNTT1945	Hà Văn Tuấn	01/11/1993	Bắc Giang	Nam	8,0	7,5	DBG011617	CNTT/22/2001	Đạt	
86	CNTT1946	Nguyễn Văn Tuấn	28/09/1996	Bắc Ninh	Nam	8,0	8,0	DBG011618	CNTT/22/2002	Đạt	
87	CNTT1947	Nguyễn Tuấn Vũ	07/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	DBG011619	CNTT/22/2003	Đạt	

Danh sách có 87 thí sinh./.